| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-10-2022
V/v: " Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung''

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Hà Bửu Khánh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa***: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 382/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1987 (có mặt).
Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.
Bị đơn: anh Lê Hoàng Đ, sinh năm: 1987 (có mặt)
Nơi cư trú: : ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: chị và anh Đ được gia đình cha mẹ hai bên mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2010, anh Đ rượu chè bê tha, thiếu trách nhiệm với gia đình. Năm 2014, chị đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án và đã cho anh Đ cơ hội sửa đổi bản thân nên đã rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh Đ vẫn chứng nào tật đó không thay đổi và tệ hơn, anh Đ nhậu nhẹt rồi đánh nhau dẫn đến phạm tội, phải đi chấp hành án tại trại giam và đã chấp hành án xong vào ngày 30/4/2022. Nhưng kể từ khi trở về, anh Đ vẫn không sửa đổi tính ý nên xét thấy không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc với anh Đ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Quá trình chung sống , chị và anh Đ có một con chung tên Lê Đức M, sinh ngày 30/4/2010. Hiện nay, con đang

sống với anh Đ. Chị tự nguyện giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2022, bị đơn anh Lê Hoàng Đ trình bày: Anh xác định trình bày của chị Đ về hôn nhân, con chung là đúng. Tuy nhiên, anh không đồng ý việc chị Đ cho rằng anh rượu chè bê tha, thiếu trách nhiệm với gia đình không quan tâm vợ con là không đúng. Anh thừa nhận khoảng thời gian trước anh có rượu chè và dẫn đến phạm tội nhưng sau khi chấp hành án xong, trở về địa phương, anh đã thay đổi bản thân, chí thú làm ăn cố gắng bù đắp lo cho vợ con có cuộc sống tốt hơn thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý và do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con cũng như yêu cầu gì về tài sản và nợ chung.

*Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G chứng nhận kết hôn. Chị Đ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì chị đã ly thân với anh Đ từ năm 2019 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn; trái lại, anh Đ không đồng ý ly hôn, anh Đ thừa nhận trước đây anh có rượu chè bê tha nhưng sau khi chấp hành án trở về anh đã sửa đổi bản thân. Qua ý kiến của chị Đ và anh Đ, thấy rằng hiện anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh Đ

Về con chung, chị Đ anh Đ cùng xác định có một con chung tên Lê Đức M, sinh ngày 30/4/2010. Hiện nay cháu M đang sống với anh Đ. Chị Đ tự nguyện giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không đồng ý ly hôn nên đối với con và việc cấp dưỡng nuôi con anh không ý kiến. Xét thấy, kể từ khi chị Đ, anh Đ ly thân nhau, cháu M sống bên gia đình anh Đ, cháu vẫn phát triển tốt. Mặc khác, cháu M đã trên 07 tuổi nên cần hỏi ý kiến của cháu, tại biên bản lấy lời khai cháu M có ý kiến sống với anh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung; do chị Đ không tự nguyện cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ chung; anh Đ cũng không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, khi nào các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện và giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí, đề nghị buộc chị Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Hoàng Đ nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Đ có nơi cư trú tại huyện G nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Vê quan hệ hôn nhân : chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Lê Hoàng Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị Đ cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh Đ rượu chè bê tha, thiếu trách nhiệm với gia đình nên chị và anh Đ đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tuy nhiên, anh Đ có ý kiến trái ngược với chị Đ, anh Đ thừa nhận trước đây có rượu chè nhưng sau khi chấp hành án xong trở về địa phương, anh đã chí thú làm ăn để bù đắp lại cho vợ con có cuộc sống tốt hơn, anh mong muốn chị Đ cho anh cơ hội để sửa chữa bản thân. Xét thấy, anh Đ có ý kiến muốn hàn gắn tình cảm nhưng lại không có giải pháp nào để hàn gắn, giữa chị Đ và anh Đ đã ly thân nhau trong khoảng thời gian dài từ năm 2019 cho đến nay. Điều này chứng tỏ, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại nên chị Đ yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh Đ.

[2.2]Về con chung: chị Đ anh Đ cùng xác định có một con chung tên Lê Đức M, sinh ngày 30/4/2010; hiện con đang sống với anh Đ. Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa chị Đ tự nguyện giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con với lý do chị đã nuôi con bao nhiêu năm kể từ khi anh Đ đi chấp hành án nên giờ anh Đ phải có trách nhiệm đối với con.Về tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản khai, anh Đ cho rằng về con cũng như tài sản và nợ chung anh không ý kiến vì anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hiện tại cháu M sống bên gia đình anh Đ, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Mặc khác, tại biên bản lấy lời khai của cháu M, cháu có ý kiến sống với anh Đ. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung, do chị Đ không tự nguyện cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ chung; anh Đ cũng không có ý kiến phản đối và thể hiện yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

[3]Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án phí ly hôn sơ thẩm buộc chị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008462 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Lê Hoàng Đức

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đức M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2010 cho anh Lê Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3.Về án phí : án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng ( ba trăm nghìn đồng) buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008462 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm); chị Đ được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 20-10-2022), anh Đức được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**